

Bản án số: 83/2019/HC-PT

Ngày: 05 - 3 - 2019

V/v yêu cầu hủy quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán:

Ông Đỗ Đình Thanh

Bà Phạm Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Úc Minh Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 209/2016/TLPT-HC ngày 14/11/2016 về “yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”;

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2016/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 95/2017/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2017 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1949 (có mặt);

Trú tại: Số 239 đường N1, khu phố 4, thị trấn M, Huyện M, tỉnh Tây Ninh.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh (vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Văn Tiến D1, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

2. Ông Lương Nguyễn Đăng D, Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3. Ông Võ Xuân T1, Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Số 239 đường N1, khu phố 4, Thị trấn M, Huyện M, tỉnh Tây Ninh.

- *Người kháng cáo:* ông Nguyễn Quốc H, là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người khởi kiện – ông Nguyễn Quốc H trình bày:

Nguồn gốc phần đất diện tích 132,8m² tọa lạc tại xã M1, huyện M, tỉnh Tây Ninh là do ông thuê lại của Lâm trường M vào năm 1991. Việc thuê đất giữa ông và Lâm trường M có lập hợp đồng, theo đó ông thuê của lâm trường phần đất diện tích 16 ha, trong đó có 06 ha lâm trường quản lý, còn lại 10 ha rừng là rừng thiên nhiên. Phần diện tích 132,8m² nằm trong phần 06 ha lâm trường quản lý. Đến khoảng năm 1992 – 1993 lâm trường giải thể, không thanh lý hợp đồng nên ông vẫn tiếp tục sử dụng. Năm 2010 – 2012 Ủy ban nhân dân (UBND) xã M1 đo đạc, lập bản đồ địa chính xã và thông báo ông đi kê khai đăng ký diện tích đất ông đang sử dụng. Ông sử dụng diện tích đất trên xuyên suốt từ năm 1991 đến nay, có trồng cây tràm và cây lòng mức đến nay vẫn còn.

Ngày 27/02/2015 ông được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 14.616,2m² tọa lạc tại xã M1, huyện M, tỉnh Tây Ninh, với tứ cận như sau:

- + Đông giáp đất ông A1 và bà A;
- + Tây giáp kênh TN0;
- + Nam giáp đất ông A3 và ông A1;
- + Bắc giáp đất ông K.

Nhưng thực tế phần đất gia đình ông đang quản lý sử dụng có diện tích 14.731m² do đó ông bắt đầu khiếu nại, với các nội dung khiếu nại sau: trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thể hiện tỷ lệ sơ đồ đất và kích thước các cạnh đất, vị trí mốc giới thửa đất xác định tại kênh TNO không đúng theo Quyết định số 49/2013/QĐ-UBND ngày 07/11/2013 của UBND tỉnh Tây Ninh và việc xác định vị trí áp giá đất để thực hiện nghĩa vụ tài chính không đúng quy định của Nhà nước.

Ngày 15/7/2015, Chủ tịch UBND Huyện M ban hành Quyết định số 3159/QĐ-UBND với nội dung công nhận một phần nội dung khiếu nại của ông

về việc trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thể hiện kích thước các cạnh thửa đất; bác đơn khiếu nại của ông các nội dung còn lại. Ông không đồng ý, tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh

Ngày 13/6/2016, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 1468/QĐ-UBND có nội dung bác đơn khiếu nại của ông, công nhận Quyết định số 3159/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND Huyện M, tỉnh Tây Ninh.

Nay, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1468/QĐ-UBND ngày 13/6/2016, với các lý do sau:

+ Phần đất diện tích 132,8m² ông đang khiếu kiện là phần đất lưu không kênh, theo quy định tại Điều 56 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì diện tích đất lưu không vẫn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng.

+ Căn cứ vào Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 07/11/2013 của UBND tỉnh Tây Ninh quy định về phạm vi bảo vệ an toàn hệ thống thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh thì kênh TNO có lưu lượng nhỏ hơn 10m³/s nên phạm vi vùng phụ cận bảo vệ kênh TNO là 05m. Như vậy, từ mép bờ kênh ra tới đường ranh đất của ông là 05m đúng. Tuy nhiên, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông được cấp thì đường ranh giáp đất ông cách mép trong bờ kênh đến 8,3m; lần đất của ông 3,3m.

+ Về việc xác định vị trí, áp giá đất để thực hiện nghĩa vụ tài chính không đúng quy định của Nhà nước. Lẽ ra, diện tích đất ông đang sử dụng phải điều chỉnh từ bảng giá các loại đất ở vị trí 2 sang vị trí 3 để ông đóng thuế ít hơn.

Về việc không ghi tỷ lệ sơ đồ đất vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông không khiếu kiện nữa.

Người bị kiện trình bày:

Nguồn gốc phần đất diện tích 132,8m² tọa lạc tại xã M1, huyện M, tỉnh Tây Ninh là của Lâm trường M, năm 1991 ông H hợp đồng trồng rừng với lâm trường cho đến ngày 08/4/1998 UBND tỉnh có Quyết định số 83/QĐ-UB về việc giao 16.377.000 m² (1.637,7 ha) đất lâm nghiệp và 2.174.000 m (217 ha) đất rừng trồng và rừng tự nhiên cho Ban Quản lý rừng đặc dụng Lịch sử Núi Bà và giống lâm nghiệp quản lý để tái tạo lại thảm thực vật theo dự án được phê duyệt. Trong đó có 217 ha đất tại xã M1, Huyện M, tỉnh Tây Ninh.

Theo quyết định nêu trên thì đất của ông H nằm ngoài diện tích 217 ha mà UBND tỉnh giao cho Ban Quản lý rừng đặc dụng Lịch sử Núi Bà và giống lâm nghiệp.

Năm 2001 ông H đi đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 09/5/2001 ông H được UBND Huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 14.230 m² (trong đó có 400 m² đất thổ cư, 180 m² đất vườn và 13.650 m² đất ruộng màu). Đến ngày 25/3/2004 ông H chuyển nhượng 580 m² đất thổ cư và đất vườn cho ông Danh Văn H1. Diện tích còn lại 13.650 m² đất ông H tiếp tục sử dụng.

Ngày 27/02/2015 UBND Huyện M cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Quốc H, bà Nguyễn Thị T, số phát hành BY 761816, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00697, thửa đất số 38, tờ bản đồ số 17, diện tích 14.616,2m² (diện tích tăng 966,2 m²) mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất tại xã M1, Huyện M, tỉnh Tây Ninh. Tuy nhiên ông không đồng ý khiếu nại yêu cầu cấp thêm cho ông diện tích 132,8 m² đất bờ kênh. Sau khi xác minh và kiểm tra thì thấy rằng:

Tại vị trí thửa đất ông H đang sử dụng nằm trong đoạn K5+200 theo thiết kế kênh TNO phạm vi bờ và lưu không kênh tính từ tim kênh thuộc bờ tả là 11,83m. Như vậy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H theo sơ đồ thể hiện trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp tính từ lưu không đến hiện trạng diện tích được cấp giấy là 2,47m. Qua đo đạc thực tế hiện trạng sử dụng đất của ông H diện tích là 14.731,7 m² (trong đó có diện tích 227,9 m² nằm trong lưu không kênh TNO theo bản đồ địa chính năm 2012 đã được 03 cấp tỉnh, huyện, xã xét duyệt). Diện tích nằm ngoài lưu không kênh TNO theo bản đồ địa chính năm 2012 đã được 03 cấp tỉnh, huyện, xã xét duyệt là 14.503,8 m². Diện tích ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 14.616,2m² (tăng so với diện tích bản đồ địa chính 112,4 m²).

Đối với nội dung khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vị trí mốc giới thửa đất xác định tại kênh TNO không đúng thì việc ông H khiếu nại yêu cầu UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thiếu diện tích của ông là 132,8 m² là không có cơ sở để xem xét giải quyết. Theo Khoản 1, 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013 thì diện tích đất đang khiếu nại ông H không trực tiếp sử dụng. Cho nên việc UBND huyện M không cấp giấy chứng nhận cho ông H diện tích 132,8 m² là đúng quy định của pháp luật.

Đối với nội dung khiếu nại xác định vị trí áp giá đất để thực hiện nghĩa vụ tài chính không đúng quy định của Nhà nước. Theo quy định Điểm a Khoản 6 Mục 1, Phần 1 của Quyết định số 60/2013/QĐ-UBND ngày 19/12/2013 của UBND tỉnh Tây Ninh thì đất của ông H, ông A3, ông K nằm ở vị trí 02, nên việc áp giá đất để thực hiện nghĩa vụ tài chính vị trí 02 năm 2014 là đúng theo quy định của pháp luật.

Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên Quyết định số 1468/QĐ-UBND ngày 13/6/2016.

Tại bản tự khai ngày 26/8/2016 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Nguyễn Quốc H. Vì lý do sức khỏe nên bà đề nghị Tòa giải quyết vắng mặt bà trong các buổi làm việc, kiểm tra, tiếp cận và công khai chứng cứ, phiên tòa xét xử sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án, ý kiến của ông H cũng là ý kiến của bà. Bà cam kết sẽ không có bất kỳ khiếu nại nào về sau.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2016/HC-ST ngày 28/9/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Áp dụng Điều 100, 101 Luật Đất đai năm 2013; Điều 34 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc H về việc yêu cầu huỷ bỏ Quyết định số 1468/QĐ-UBND, ngày 13/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/10/2016, người khởi kiện - ông Nguyễn Quốc H kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay,

Người khởi kiện, ông Nguyễn Quốc H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với nội dung: Yêu cầu huỷ Quyết định số 1468/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh; Kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh chỉ đạo UBND huyện M giải quyết: Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị T, trú tại 239 N1, khu phố 4, thị trấn M, huyện M, tỉnh Tây Ninh với diện tích 14.731,9m² đất trồng cây lâu năm trong đó có 227,9m² đất lưu không tại thửa số 38, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã M1 theo Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất số 172/SĐ-HT ngày 4/11/2015 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh đúng theo điều 98 và điều 99 Luật đất đai năm 2013; Xác định mốc giới kênh TN0 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 5m đúng quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 7/11/2013 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc quy định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Tây Ninh và Công văn số 263/SNN-CCTL ngày 23/1/2014 của Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh; Xác định vị trí 996,2m² đất tại thửa số 38, tờ bản đồ số 17 xã M1 là vị trí 3 đúng theo Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày

19/12/2013 của UBND tỉnh Tây Ninh quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2014; Trả lại cho ông H số tiền lệ phí trước bạ ông H đã nộp dư ra do xác định sai vị trí đất để tính thuế.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 1468/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 về việc công nhận Quyết định số 3159/QĐ-UBND ngày 15/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định Quyết định số 1468/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành là đúng quy định của pháp luật. Diện tích ông H yêu cầu công nhận quyền sử dụng là lỗi đi chung của các hộ dân trong vùng. Hơn nữa, diện tích ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lớn hơn nhiều so với diện tích trong bản đồ địa chính do đó, ông không có thiệt hại gì về diện tích đất; Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên, xét kháng cáo của ông Nguyễn Quốc H, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

Ngày 09/11/2018, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh có đơn xin xét xử vắng mặt, theo khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

Ngày 13/6/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 1468/QĐ-UBND đối với phần giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Quốc H liên quan đến diện tích 132,8m² đất lưu không và vị trí mốc giới thửa đất của ông H trên kênh TN0. Ngày 14/7/2016, ông H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1468/QĐ-UBND nêu trên. Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh thụ lý

giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 30, Điều 32 và Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp.*

Phần đất diện tích 132,8m² đang tranh chấp tọa lạc tại xã M1, huyện M, tỉnh Tây Ninh trước đây là của Lâm trường M. Năm 1991, ông H hợp đồng trồng rừng với lâm trường cho đến ngày 08/4/1998, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh có Quyết định số 83/QĐ-UB về việc giao 16.377.000 m² (1.637,7 ha) đất lâm nghiệp và 2.174.000 m (217 ha) đất rừng trồng và rừng tự nhiên cho Ban Quản lý rừng đặc dụng Lịch sử Núi Bà và giống lâm nghiệp, quản lý để tái tạo lại thảm thực vật theo dự án được phê duyệt. Trong đó có 217 ha đất tại xã M1, huyện M, tỉnh Tây Ninh. Theo quyết định nêu trên thì đất của ông H nằm ngoài diện tích 217 ha mà Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Ban Quản lý rừng đặc dụng Lịch sử Núi Bà và giống lâm nghiệp.

Năm 2001, ông H đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 14.230 m² (trong đó có 400 m² đất thổ cư, 180 m² đất vườn và 13.650 m² đất ruộng màu). Đến ngày 25/3/2004 ông H chuyển nhượng 580 m² đất thổ cư và đất vườn cho ông Danh Văn H1. Diện tích còn lại 13.650 m² đất ông H tiếp tục sử dụng. Ngày 27/02/2015, Ủy ban nhân dân huyện M cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị T, số phát hành BY 761816, số vào sổ CH00697, thửa đất số 38, tờ bản đồ số 17, diện tích 14.616,2m² (diện tích tăng 966,2 m²) mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất tại xã M1, huyện M, tỉnh Tây Ninh.

[2.2] *Xét nội dung kháng cáo của ông H yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 132,8 m² đất lưu không bờ kênh TN0 mà ông đã trực tiếp khai phá và sử dụng từ năm 1991.*

Căn cứ Bản đồ địa chính số 17 được 3 cấp xã, huyện, tỉnh phê duyệt đã trừ diện tích đất lưu không thuộc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, không cấp giấy chứng nhận; Công văn số 3152/VP-KTN ngày 26/10/2012 của Văn phòng UBND tỉnh về việc thông báo Biên bản họp Chủ tịch và các Phó chủ tịch UBND tỉnh số 196/BB-UBND ngày 25/10/2012 chỉ đạo: “*Phần diện tích đất thuộc phạm vi lưu không các tuyến kênh phải tổ chức quản lý chặt chẽ, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân*”; Xét diện tích 132,8m² đất ông Nguyễn Quốc H yêu cầu được cấp giấy chứng nhận là đất lưu không kênh TN0 có nguồn gốc của Lâm trường M, ông H không sử dụng chỉ có cây đại và một số cây như trầm, lông mức, bạch đàn và cây rừng mọc xen lẫn, dọc theo

tuyến kênh TN0 cũng có những loại cây tương tự, qua đo chiều hồ sơ địa chính thể hiện chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bất cứ tổ chức, cá nhân nào. Do đó, ông Nguyễn Quốc H cũng không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 132,8m² đất này.

[2.3] *Xét nội dung kháng cáo việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với vị trí mốc giới thửa đất xác định theo kênh TN0.*

Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa, ông Nguyễn Quốc H cho rằng áp dụng theo điểm c, khoản 3, Điều 4 Quyết định số 49/2013/QĐ-UBND ngày 07/11/2013 của UBND tỉnh Tây Ninh quy định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh: “*Đối với kênh chìm (tươi, tiêu) có lưu lượng nhỏ hơn 10 m³/s thì phạm vi vùng phụ cận là 5m tính từ mép trong bờ kênh*”. Như vậy, từ mép bờ kênh ra tới đường ranh đất của ông là 5m nhưng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông được cấp thì đường ranh giáp đất ông cách mép trong bờ kênh đến 8,3m, lần đất của ông 3,3m.

Tuy nhiên, theo Bản thiết kế do Công ty khai thác thủy lợi Tây Ninh cung cấp thì vị trí thửa đất ông H đang sử dụng nằm trong đoạn K5+200 theo thiết kế kênh TN0 có phạm vi bờ và lưu không kênh tính từ tim kênh thuộc bờ tả là 11,83m (tức là: phạm vi vùng phụ cận là 8,3m tính từ mép trong bờ kênh). Cũng theo Biên bản họp tại Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện M ngày 07/4/2015 có nội dung: “*Đoạn K5+200 có mốc giới là 14,3m tính từ tim kênh trở ra đến hết vùng phụ cận, tại đây là mốc giới kênh TN0*”. Như vậy, cho dù phạm vi bờ và lưu không kênh tính từ tim kênh thuộc bờ tả tới phần đất của ông H là 11,83m thì vẫn thuộc diện tích 132,8m² đất lưu không kênh TN0 ông Nguyễn Quốc H không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng theo Công văn số 3152/VP-KTN ngày 26/10/2012 của UBND tỉnh Tây Ninh nêu trên.

Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1468/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 về việc công nhận Quyết định số 3159/QĐ-UBND ngày 15/7/2015 của Chủ tịch UBND huyện M, bác yêu cầu khiếu nại của ông H về nội dung này là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.4] *Đối với nội dung kháng cáo xác định lại vị trí áp giá đất để thực hiện nghĩa vụ tài chính.*

Theo quy định Điểm a Khoản 6 Mục 1, phần 1 của Quyết định số 60/2013/QĐ-UBND ngày 19/12/2013 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành bảng giá các loại đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2014 quy định vị trí 02 đất nông nghiệp nằm ở một trong những vị trí sau: “*Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi từ mép đường hiện trạng của quốc lộ, tỉnh lộ, đường huyện, đường liên*

huyện, đường xã, đường liên xã có độ rộng nền đường từ 3,5 mét đến dưới 09 mét, vào sâu mỗi bên 100 mét". Theo Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất số 172/SD-HT ngày 04/11/2015 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh (BL12) thể hiện có một con đường đất phía trước thửa đất của ông H. Con đường này cũng được các hộ dân xung quanh xác định là bờ kênh hiện hữu, người dân tận dụng để làm lối đi và vận chuyển hàng hóa. Căn cứ quy định nêu trên thì đất của ông H nằm ở vị trí 02, nên việc áp giá đất để thực hiện nghĩa vụ tài chính vị trí 02 năm 2014 là đúng theo quy định của pháp luật.

Với những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 1468/QĐ - UBND ngày 13/6/2016 công nhận Quyết định số 3159/QĐ-UBND ngày 15/7/2015 của Chủ tịch UBND huyện M và bác toàn bộ yêu cầu khiếu nại của ông Nguyễn Quốc H là có căn cứ.

Tòa án sơ thẩm đã đánh giá đúng đắn các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua đó bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc H về yêu cầu hủy Quyết định số 1468/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, là phù hợp với các quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện.

Ông Nguyễn Quốc H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện – ông Nguyễn Quốc H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 100, 101 Luật đất đai năm 2013; Điều 37 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1468/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Quốc H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 200.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí do ông Nguyễn Quốc H đã nộp theo biên lai thu số 0000017 ngày 04/10/2016 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 07/2016/HC-ST ngày 28/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Đình Thanh

Phạm Thị Duyên

Trần Thị Hòa Hiệp